BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 028180 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 25972.19

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Tên mẫu : **NƯỚC ĐÀO (42 % ĐÀO ÉP) - NHÃN HIỆU VFRESH**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: B-NTC-25

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 01 hộp x 1 L

Ngày nhận mẫu : 10/12/2019

Người gửi mẫu : Đinh Thị Hiền Trang

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	HD.PP.01.01/TT.VS (AOAC 966.23) (b) (d)	< 1 CFU /mL	11/12/2019
2	Coliforms	HD.PP.02.07/TT.VS (TCVN 6848:2007) (ISO 4832:2006) (b) (d)	< 1 CFU /mL	11/12/2019
3	*Escherichia coli*	HD.PP.02.04/TT.VS (AOAC 991.14, TCVN 9975:2013) (b) (d)	< 1 CFU /mL	11/12/2019
4	*Clostridium perfringens*	HD.PP.05.01/TT.VS (AOAC 976.30) (b) (d)	< 1 CFU /mL	11/12/2019
5	*Staphylococcus aureus*	HD.PP.03.02/TT.VS (AOAC 975.55) (b) (d)	< 1 CFU /mL	11/12/2019
6	*Pseudomonas aeruginosa*	HD.PP.08.01/TT.VS (Modify 3347/QĐ-BYT ngày 31/7/2001) (b) (d)	< 1 CFU /mL	11/12/2019
7	Định lượng nấm men và nấm mốc	HD.PP.32.2/TT.VS (TCVN 8275-1:2010) (ISO 21527-1:2008) (b) (d)	< 1 CFU /mL	11/12/2019

Mã số mẫu: 25972.19

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 1 CFU /mL : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20-12-2019

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

BỘ Y TẾ VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

KT3 – 04233AVS9/5A

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

18/12/2019
Page 01/01

1. Tên mẫu
Name of sample
: **NƯỚC ĐÀO (42% ĐÀO ÉP) - NHÃN HIỆU VFRESH**
KÝ HIỆU MẪU: B – NTC – 25
PEACH NECTAR (42% JUICE)- VFRESH
SAMPLE CODE: B – NTC – 25

2. Mô tả mẫu
Sample description
: Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./*Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên bao bì nhãn hiệu ./ *As received sample is intact package and brand*

3. Số lượng mẫu
Quantity
: 01 (1 L)

4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving
: 12/12/2019

5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration
: 12/12/2019 –18/12/2019

6. Nơi gửi mẫu
Customer
: **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**
10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

7. Kết quả thử nghiệm
Test results
:

Tên chỉ tiêu *Characteristic*		Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. *Streptococci faecal,*	CFU/mL	TK BS 4285 – 3.11 : 1985	< 1 (*)
7.2. *Alicyclobacillus,*	CFU/mL	APHA 2001, 4th edition, chapter 24	< 1 (*)

Ghi chú/*Notice*: (*) Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa./*According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/mL when the dish contains no colony*.

PHỤ TRÁCH PTN VI SINH - GMO
HEAD OF MICROBIOLOGY - GMO TESTING LAB.

Trần Thị Ánh Nguyệt

TL.GIÁM ĐỐC/ *PP.DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / *Not applicable.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam — Tel: (84-28) 3829 4274 — Fax: (84-28) 3829 3012 — Website: www.quatest3.com.vn
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam — Tel: (84-251) 383 6212 — Fax: (84-251) 383 6298 — E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam — Tel: (84-28) 3742 3160 — Fax: (84-28) 3742 3174 — E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 028181 /VYTCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 219

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 25973.19

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Tên mẫu : **NƯỚC ĐÀO (42 % ĐÀO ÉP) - NHÃN HIỆU VFRESH**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: B-NTC-25

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 01 hộp x 1 L

Ngày nhận mẫu : 10/12/2019

Người gửi mẫu : Đinh Thị Hiền Trang

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/L	16/12/2019
2	Patulin	HD.PP.31/TT.SK:2019 (Ref. UCT 6103-03-01, 2014 & Ref. Food Analytical Methods, 2019, Vol 12, Issue 1, pp 76-93)	Không phát hiện MLOD = 2 µg/L	13/12/2019

Ghi chú:
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20-12-2019

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 028182 /VYTCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 219

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 25974.19

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Tên mẫu : **NƯỚC ĐÀO (42 % ĐÀO ÉP) - NHÃN HIỆU VFRESH**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: B-NTC-25

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 01 hộp x 1 L

Ngày nhận mẫu : 10/12/2019

Người gửi mẫu : Đinh Thị Hiền Trang

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Diphenylamin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/L	11/12/2019
2	Piperonyl butoxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/L	11/12/2019
3	2-Phenylphenol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	12/12/2019
4	Malathion	HD.PP.67/TT.SK (GC/MS/MS) (Ref. AOAC 2007.01)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	12/12/2019
5	Propargite	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/L	11/12/2019
6	Carbaryl	HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/L	11/12/2019

Ghi chú:
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20-12-2019

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

BỘ Y TẾ VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HỒ CHÍ MINH

Ts. Hoàng Hoài Phương

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 008908 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 06915.20

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Tên mẫu : **NƯỚC ĐÀO (42% ĐÀO ÉP) - NHÃN HIỆU VFRESH**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-NTC-2

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 02 hộp x 1 L

Ngày nhận mẫu : 24/04/2020

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Deltamethrin (họ Cúc tổng hợp)	HD.PP.67/TT.SK:2017 (GC/MS/MS) (Ref. AOAC 2007.01) (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	29/04/2020
2	Chlorpyrifos	HD.PP.67/TT.SK (GC/MS/MS) (Ref. AOAC 2007.01)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	29/04/2020
3	Diazinon	HD.PP.67/TT.SK (GC/MS/MS) (Ref. AOAC 2007.01)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	29/04/2020
4	Acetamiprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	28/04/2020
5	Azinphos-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	28/04/2020
6	Buprofezin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	28/04/2020
7	Chlorothalonil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,035 mg/kg	28/04/2020
8	Cyantraniliprole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	28/04/2020
9	Cyhalothrin (bao gồm Lambda-Cyhalothrin)	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	29/04/2020
10	Dichlofluanid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,1 mg/kg	29/04/2020
11	Dichloran	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,1 mg/kg	29/04/2020

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
12	Difenoconazol	Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)	Không phát hiện MLOD = 0,0025 mg/kg	28/04/2020
13	Dinocap	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	28/04/2020
14	Dinotefuran	Ref.AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	28/04/2020
15	Dodin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	28/04/2020
16	Emamectin benzoate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0005 mg/kg	29/04/2020
17	Etofenprox	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	28/04/2020
18	Fenarimol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	28/04/2020
19	Iprodione	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	28/04/2020
20	Phosmet	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	28/04/2020
21	Spinetoram	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	28/04/2020
22	Amitraz	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	28/04/2020
23	Bitertanol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	28/04/2020
24	Carbendazim	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	28/04/2020
25	Fenbuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	28/04/2020
26	Fenbutatin oxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,025 mg/kg	28/04/2020
27	Imidacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	28/04/2020
28	Penconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	28/04/2020
29	Propiconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	28/04/2020
30	Pyrimethanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	28/04/2020
31	Tebuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	28/04/2020
32	Tebufenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	28/04/2020
33	Diflubenzuron	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	28/04/2020
34	Fenhexamid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,002 mg/kg	28/04/2020
35	Flusilazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	28/04/2020
36	Methomyl	HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	28/04/2020

Mã số mẫu: 06915.20

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ....14-05-2020..

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ts. Hoàng Hoài Phương

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 008884 /VYTCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 03885.20

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Tên mẫu : **NƯỚC ĐÀO (42% ĐÀO ÉP) - NHÃN HIỆU VFRESH**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-NTC-2

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 01 hộp x 1 L

Ngày nhận mẫu : 11/03/2020

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Sàng lọc sản phẩm biến đổi gen có nguồn gốc thực vật (promoter 35S, terminator NOS, FMV, bar)	HD.PP.26.01/TT.VS (Foodproof GMO Screening Kit (35S, NOS, bar, FMV) -5'Nuclease- Biotecon)	Âm tính	11/03/2020

Ghi chú:
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 11/05/2020.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14-05-2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh